

Bản án số: 145/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-8-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3222^a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T; cư trú tại: Đội 7, thôn Đ, xã L, huyện N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy V; cư trú tại: Số 6154 D, M – N, Q, P, H1G 1M7, Canada. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 06/5/2019 và bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 31/12/2015. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau được một thời gian thì anh V sang Canada làm thủ tục bảo lãnh cho chị T sang Canada để vợ chồng được đoàn tụ. Nhưng do điều kiện kinh tế không đảm bảo nên đến nay anh V vẫn chưa bảo lãnh cho chị T sang Canada được, dẫn đến chị T và anh V nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh V và không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh V. Về con chung, tài sản chung: Chị T và anh V không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin ly hôn có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam ngày 10/5/2019, bị đơn anh Nguyễn Duy V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn và lý do nảy sinh mâu thuẫn. Anh V xác định không còn khả

năng đoàn tụ và đề nghị Tòa án được ly hôn với chị T. Về con chung, tài sản chung: Anh V và chị T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện không thể về Việt Nam tham dự phiên tòa được nên anh T đề nghị vắng mặt tại phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh V ủy quyền cho chị T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin ly hôn của chị T, anh V và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của chị T yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với bị đơn là anh V. Anh V hiện tại đang cư trú tại Canada. Căn cứ Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định quan hệ pháp luật là ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Xét sự vắng mặt của các đương sự: Tại đơn xin ly hôn anh V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt có chứng nhận của Đại sứ quán V Nam tại Canada phù hợp Điều 124 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Duy V kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Ngày 31/12/2015, chị T và anh V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 8, 9, 122, 126 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 19 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh V đều nhận thấy không còn tình cảm với nhau và thống nhất cùng đề nghị Tòa án cho được ly hôn. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh V không còn tồn tại, hai người không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T ly hôn với anh V.

[4]. Về con chung, tài sản chung: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Duy V không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 124 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy V.

2. Về con chung, tài sản chung không có và chị Đinh Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp theo Biên lai số 0001938, ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Duy V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương